

Biểu số 08

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG,	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	8.241.891	2.180.125	103.860	1.486.865	304.802	120.653	175.875	171.533	1.306.236	230.820	718.669	1.675.561	254.849
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	75.980	350	-	-	150	-	-	-	-	-	-	75.480	-
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	142.044	728	-	-	500	-	-	-	8.285	-	50	132.530	-
3	Sở Tài chính	118.535	800	-	-	-	-	-	-	19.163	-	100	98.572	-
4	Sở Nội vụ	250.016	3.761	-	-	-	-	-	-	17.865	-	100	108.809	100.680
5	Sở Xây dựng	423.496	300	-	-	10	-	-	-	330.297	230.820	100	92.888	-
6	Thanh tra tỉnh	37.139	330	-	-	-	-	-	-	200	-	-	36.609	-
7	Sở Tư pháp	52.138	1.347	-	-	-	-	-	-	19.469	-	50	31.322	-
8	Sở Văn hóa và Thể thao	429.136	22.627	-	282	183.556	-	174.875	-	4.650	-	50	43.146	-
9	Sở Du lịch	52.439	20	-	-	9.302	-	-	-	29.217	-	50	13.900	-
10	Sở Công Thương	123.976	320	-	-	65	-	-	-	37.730	-	50	85.861	-
11	Sở Khoa học và Công nghệ	200.035	680	101.322	-	246	-	-	-	40.599	-	100	57.188	-
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.886.977	1.838.242	-	-	-	-	-	-	50	-	50	48.684	-
13	Sở Y tế	1.314.433	39.280	-	1.096.583	35	-	-	-	1.009	-	1.009	54.511	123.014
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	962.501	2.592	-	-	-	-	-	170.888	596.147	-	526.295	192.322	551
15	Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam	6.462	-	-	-	-	-	-	-	1.266	-	-	5.196	-
16	Ban Quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp	26.916	200	-	-	-	-	-	645	6.034	-	-	20.037	-
17	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	55	-	-	-	-	-	-	-	55	-	-	-	-
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	78	-	-	-	-	-	-	-	78	-	-	-	-
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	61	-	-	-	-	-	-	-	61	-	-	-	-
20	Văn phòng Tỉnh ủy	623.591	2.734	-	-	108.748	120.653	-	-	1.220	-	200	390.235	-
21	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	124.360	10.301	-	-	1.810	-	-	-	2.455	-	1.066	109.794	-
22	Trường Đại học Hoa Lư	114.225	114.225	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Trường Chính trị	48.495	48.495	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Trường Cao đẳng nghề Hà Nam	24.681	24.681	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	49.029	49.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định	11.250	11.250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Ninh Bình	3.450	-	-	-	-	-	-	-	1.781	-	1.581	1.669	-
28	Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Ninh Bình	1.990	-	-	-	-	-	-	-	1.990	-	1.990	-	-
29	Ban chỉ đạo Phòng chống tội phạm	1.318	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	333.209	6.387	-	-	100	-	-	-	50	-	50	3.400	-
31	Công an tỉnh	134.283	620	-	-	120	-	-	-	150	-	50	7.287	9.229
32	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	17.132	300	-	-	-	-	-	-	50	-	50	16.782	-
33	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	9.652	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.652	-
34	Hội Người mù tỉnh	4.511	445	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.066	-

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG,	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
35	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	8.707	-	-	-	160	-	-	-	-	-	-	8.547	-
36	Hội Đông y tỉnh	3.930	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.930	-
37	Hội Luật gia tỉnh	1.478	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.458	-
38	Hội Người cao tuổi tỉnh	1.814	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.814	-
39	Hội Nhà báo tỉnh	3.525	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.525	-
40	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	2.072	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.072	-
41	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	4.781	-	2.538	-	-	-	-	-	-	-	-	2.243	-
42	Hội Khuyến học tỉnh	2.204	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.204	-
43	Hội Nạn nhân chất độc da cam - dioxin tỉnh	1.372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.372	-
44	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	981	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	981	-
45	Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh	472	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	472	-
46	Đài Khí tượng thủy văn	387	-	-	-	-	-	-	-	387	-	-	-	-
47	Hội Sinh vật cảnh	222	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	222	-
48	Thống kê tỉnh	2.021	-	-	-	-	-	-	-	350	-	50	1.671	-
49	Thi hành án dân sự tỉnh	300	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	280	-
50	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	1.741	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.721	-
51	Tòa án nhân dân tỉnh	1.841	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.821	-
52	Ngân hàng nhà nước khu vực VII	30	-	-	-	-	-	-	-	30	-	30	-	-
53	Đoàn Luật sư	220	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	220	-
54	Hội Hỗ trợ Gia đình liệt sỹ	180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	-
55	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị	380	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	380	-
56	Liên đoàn Cầu lông	300	-	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
57	Liên đoàn Quần vợt	300	-	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
58	Liên đoàn Bóng bàn	300	-	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
59	Liên đoàn Võ thuật	100	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-
60	Ban liên lạc cựu chiến binh bị địch bắt tù đày	121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	121	-
61	Hội Khoa học Lịch sử	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-
62	Hội Người khuyết tật	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	80	-
63	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	30	-	-	-	-	-	-	-	30	-	30	-	-
64	Hiệp hội Du lịch	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-
65	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình	45.846	-	-	-	-	-	-	-	45.846	-	45.846	-	-
66	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam	138.920	-	-	-	-	-	-	-	138.920	-	138.920	-	-
67	Kho bạc nhà nước khu vực V (Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới)	50								50		50		
68	Bảo hiểm xã hội khu vực XIV (Gồm kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng và kinh phí hỗ trợ mua BHXH tự nguyện)	395.000			390.000									5.000
69	Kinh phí chưa thực hiện phân bổ sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy	18.288								752		752		16.374